

Bản án số 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13.8. 2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân và ông Trần Minh Tám.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đình Ngọc T**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: **I P, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Trần Yến N**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **A Y, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô **Nguyễn Trần Yến N** đăng ký kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau, bà **N** đã bỏ nhà đi hơn 1 năm nay. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, tôi xác định không còn tình cảm với bà **N**, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung gồm **Đình Ngọc Mẫn T1**, sinh ngày 02.12.2017; **Đình Ngọc Mẫn T2**, sinh ngày 06.5.2020 và **Đình Ngọc Mẫn N1**, sinh ngày 07.7.2022. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi 03 con chung. Không yêu cầu cô **N** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **N** để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà **N** không có mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho ông **T** được ly hôn với bà **N**. Về con chung, giao 03 con **Đình Ngọc Mẫn T1**, sinh ngày 02.12.2017; **Đình Ngọc Mẫn T2**, sinh ngày 06.5.2020 và **Đình Ngọc Mẫn N1**, sinh ngày 07.7.2022 cho ông **Trung trực t** nuôi dưỡng. Bà **N** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông **T** bà **N** là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn **quận T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông **T** bà **N** kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **H**, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông **T** bà **N** đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của ông **T** bà **L** thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Hai người đã ly

thân từ tháng 7.2023 cho đến nay, không ai có trách nhiệm hay quan hệ gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà N vẫn không đến Tòa án để giải quyết và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình chứng tỏ bà N không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn với bà N là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Ông T bà N có 03 con chung gồm Đinh Ngọc Mẫn T1, sinh ngày 02.12.2017; Đinh Ngọc Mẫn T2, sinh ngày 06.5.2020 và Đinh Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 07.7.2022. Ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi 03 con chung không yêu cầu bà N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cả 03 con chung đang ở với ông T, bà N không có ý kiến gì và đã bỏ nhà đi gần 01 năm nay không thăm nom, chăm sóc hay nuôi dưỡng gì các con chung. Và hiện nay cũng không biết bà N đang ở đâu. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của các con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông T là có cơ sở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc T về việc “Ly hôn” đối với bà Nguyễn Trần Yến N.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Trần Yến N.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Đinh Ngọc Mẫn T1, sinh ngày 02.12.2017 và Đinh Ngọc Mẫn T2, sinh ngày 06.5.2020 và Đinh Ngọc Mẫn N1, sinh ngày 07.7.2022 cho ông Trung trực t nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Bà N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 1114 ngày 22.4.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các

đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q. Thanh Khê;

- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;

- UBND p. Hòa Khê;

- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

